

Số: 555/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình biến động giá cả hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng trên thị trường tỉnh Bắc Ninh tháng 10 năm 2024

I. TỔNG QUAN GIÁ CẢ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG THÁNG 10

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 năm 2024 tăng 0,3% so với tháng trước; tăng 2,99% so cùng kỳ năm trước; tăng 2,27% so với tháng 12 năm trước. CPI bình quân 10 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng 3,75%.

1. So với tháng trước, CPI tháng 10/2024 tăng 0,3% (khu vực thành thị tăng 0,46%; khu vực nông thôn tăng 0,21%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, so với tháng trước có 5 nhóm hàng tăng giá, 2 nhóm hàng giảm và 02 nhóm hàng ít, 02 nhóm không biến động.

Xu hướng biến động của một số nhóm hàng chính tác động đến CPI tháng 10 năm 2024 so với tháng trước như sau:

1.1. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,95%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 10/2024 tăng 0,95% so với tháng trước, góp phần tăng 0,26% trong mức tăng của CPI chung, trong đó lương thực và thực phẩm đồng loạt biến động tăng, tương ứng lương thực +2,49% đóng góp 0,06%; thực phẩm +0,99% đóng góp 0,2% trong mức tăng CPI chung; ăn uống ngoài gia đình chỉ tăng nhẹ +0,02%.

a) Lương thực (+2,49%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 10/2024 tăng 2,49% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 3,49% với gạo tẻ thường tăng 3,75%, gạo tẻ ngon tăng 2,87%, gạo nếp +1,2%, giá gạo tiếp tục tăng một mặt do nhu cầu thị trường, mặt khác do vụ mùa vừa qua, chịu ảnh hưởng của cơn bão số 3 sản lượng lúa của các địa phương trong tỉnh và các tỉnh lân cận giảm; Nhóm bột mì và ngũ cốc khác tăng 7,65%; lương thực chế biến tăng 0,34% với bún, bánh phở, bánh đa tăng 1,24%

b) Thực phẩm (+0,99%)

Giá thực phẩm tháng 10/2024 tăng 0,99% với nhóm thịt gia súc và thịt gia cầm biến động trái chiều so với tháng trước, nguyên nhân chủ yếu tập trung ở một số mặt hàng sau:

- Giá thịt lợn gia súc giảm 0,62%, trong đó thịt lợn giảm 0,83% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng giảm, tác động làm CPI chung giảm 0,04%, kéo theo giá nội tạng giảm 0,24%; thịt chế biến và mỡ động vật cùng giảm 0,08%; giá thịt chế biến giảm 0,08% với mặt hàng thịt quay, giò chả giảm 0,09%

Bên cạnh các mặt hàng giảm giá, một số mặt hàng thực phẩm trong tháng có giá tăng so với tháng trước:

- Giá thịt gia cầm tăng 0,22%; thủy hải sản chế biến tăng 0,33%; thịt sản tươi sống tăng 0,17%; giá trứng trứng 0,72%; nước mắm, nước chấm các loại giảm 3,98%

- Giá các loại đậu và hạt tăng 0,69%;

- Giá rau tươi, khô và chế biến tăng 9,6% so với tháng trước, chủ yếu sau bão rau xanh dập nát, sinh trưởng chậm; một số rau đậu vụ đông giá còn đắt. Trong đó: giá bắp cải tăng 13,57%, su hào tăng 7,62%; cà chua tăng 10,77%, rau muống tăng 15,03%; đỗ quả tươi tăng 6,47%; rau dạng quả, củ tăng 6,61%, rau tươi khác tăng 12,45%, rau chế biến cá loại tăng 13,31%, rau khô các loại tăng 1,25%...;

- Giá quả tươi, chế biến tăng 2,67% trong đó chủ yếu là do giá quả có múi tăng 3,05%, chuối tăng 7,62% (ảnh hưởng của bão vườn chuối bị gãy, đổ nhiều), táo giảm 0,62% và một số quả tươi khác chủ yếu là các sản phẩm của nơi khác được vận chuyển về bán tại địa phương giá cũng biến động tăng.

c) Ăn uống ngoài gia đình (+0,02%)

Chỉ số giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tháng 10/2024 chỉ tăng 0,02% so với tháng trước. Trong đó, chỉ tăng ở nhóm đồ ăn nhanh mang đi +0,23%.

1.2. May mặc, mũ nón và giày dép (-0,06%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,06% so với tháng trước chủ yếu do giá hàng may mặc -0,08% với quần áo may sẵn -0,1%.

1.3. Nhà ở điện nước và vật liệu xây dựng (+0,06%)

Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 10/2024 tăng 0,06% so với tháng trước do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở +0,78% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính và vật liệu bảo dưỡng nhà ở khác cùng tăng, tương ứng +0,81% và +0,68%;

- Giá ga tăng 2,36% do giá ga biến động tăng trong kỳ nước điều chỉnh tăng sau khi thế giới tăng, tăng từ kỳ 3 điều tra;

- Giá dầu hỏa bình quân trong tháng tăng 1,0% ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá vào ngày 03, 10 và 17/10.

- Mặc dù giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh tăng từ 11/10 tuy nhiên so với tháng trước do đã qua thời gian nắng nóng kéo dài nhu cầu sử dụng điện giảm dần nên sản lượng tiêu thụ trong tháng cũng giảm theo nên chỉ số giá điện sinh hoạt -1,42%.

1.4. Thiết bị đồ dùng gia đình (+0,41%)

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 10 tăng 0,41% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các mặt hàng của nhóm thiết bị dùng trong nhà +0,21%; đồ dùng trong nhà +0,47%; dịch vụ trong gia đình +1,02% với dịch vụ thuê người giúp việc +2,91%.

1.5. Giao thông (+0,39%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 10/2024 tăng 0,39% so với tháng trước chủ yếu do chỉ số giá nhóm nhiên liệu bình quân tháng 10 tăng 1,0% so với bình quân tháng trước do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước vào ngày 03, 10 và 17/10 làm cho giá xăng tăng 1,0%, giá dầu diezen tăng 2,27%.

1.6. Văn hóa giải trí và du lịch (-1,08%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 10 giảm 1,08% so với tháng trước chủ yếu do giá dịch vụ du lịch trọn gói giảm 2,45%.

1.7. Hàng hoá và dịch vụ khác (+0,14%)

Tháng 10/2024, chỉ số giá nhóm hàng hoá và dịch vụ khác (Bao gồm hàng hoá và dịch vụ phục vụ cho cá nhân; vật dụng, dịch vụ về hiếu, hi; lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác; dịch vụ vệ sinh môi trường) tăng 0,14% so với tháng trước. Trong đó, chỉ số giá nhóm hàng hoá và dịch vụ cá nhân (+0,48%); đồ dùng cá nhân +0,78%, trong đó đồ trang sức +6,78%.

2. So với cùng kỳ và tháng 12 năm trước, CPI tháng 10/2024 tăng tương ứng +2,99% và +2,27. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính đồng loạt cùng tăng giá ở 9 nhóm và giảm giá ở 3 nhóm.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 10/2024 tăng 5,51% so với cùng kỳ và 6,01% so với tháng 12 năm trước. Trong đó giá lương thực +11,38% và 4,95%; thực phẩm +5,97% và 7,44%;

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế so với cùng kỳ +21,4% đây là nhóm có chỉ số tăng cao nhất. Nguyên nhân chính do dịch vụ khám sức khỏe tăng 27,99% do áp dụng mức khám chữa bệnh mới thực hiện theo Thông tư 22/2023/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành ngày 17/11/2023. Giá thuốc và thiết bị y tế +0,36%; giá dụng cụ y tế +7,43%. So với tháng 12 năm trước nhóm này chỉ tăng 0,11% nguyên nhân do giá nhập một số dụng cụ y tế tăng (+7,43%), biến động trái chiều giá nhập các loại thuốc giảm nhẹ (-0,03%);

- Nhóm văn hoá giải trí và du lịch tăng 7,14% so với cùng kỳ và tăng 7,4% so với tháng 12 năm trước chủ yếu do giá dịch vụ du lịch trọn gói cùng tăng 19,13% và 19,63% bởi do nhu cầu tăng.;

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,99% so với cùng kỳ và tăng 4,76% so với tháng 12 năm trước. Nguyên nhân chính, một mặt do giá vàng trong nước liên tục biến động tăng và tăng rất cao vào những tháng trong quý 2 và đầu quý 3, kéo theo giá đồ trang sức tăng 24,87% và 20,35%. Mặt khác, do từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng. Theo quy định nêu trên thì từ 1/7/2024 cán bộ, công chức, viên chức được tăng lương cơ sở lên 2.340.000 đồng/tháng (tăng 30% so với lương cơ sở trước 1/7/2024 là 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP), theo đó giá dịch vụ bảo hiểm y tế tăng theo lương cơ sở để bảo đảm thu nhập cho người lao động (+30%).

Bên cạnh đó, các nhóm có mức tăng thấp hơn như:

- Đồ uống và thuốc lá tăng nhẹ +0,94% và +0,78% nguyên nhân chính do giá rượu bia tăng 1,42% và 1,16%;

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 10/2024 tăng 0,36% so với cùng kỳ và tăng 0,49% so với tháng 12 năm trước do chỉ số nhóm nhà ở tăng 2,61% và 2,65%, vật liệu xây dựng +6,45% và 6,38%. Bên cạnh đó, giá điện sinh hoạt giảm (-9,99% và -9,39%) tác động đến nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng chậm lại;

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,11% so với cùng kỳ và tăng 1,16% so với tháng 12 năm trước chủ yếu do giá thiết bị đồ dùng gia đình trong nhà tăng 1,06% và 1,18%; giá đồ dùng trong nhà +1,1% và 1,13%; giá dịch vụ trong gia đình +2,77% và 2,46%;

- Chỉ số giá nhóm giáo dục +0,98% và +0,79% do đồ dùng học tập và văn phòng tăng 1,54%, tăng 1,48% thêm vào nữa giá dịch vụ giáo dục +0,92% và +0,72%;

Biến động trái chiều, có 3 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm May mặc, mũ nón và giày dép -0,13% và -0,06%;
- Nhóm Giao thông -3,57% và -1,58%. Trong đó giá nhiên liệu -13,3% và -7,17% với xăng -13,54% và -7,39%; dầu diezen -21,16% và -8,1%;
- Nhóm Bru chính viễn thông -21,16% và -8,1% chủ yếu do giá thiết bị điện thoại -1,26%.

II. GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ-LA MỸ

1. Chỉ số giá vàng

Tháng 10 giá vàng tăng 6,86% so với tháng trước, biến động cùng chiều với giá vàng trong nước và giá vàng thế giới. Tính chung cả tháng, bình quân trong tháng giá vàng được bán ra ở mức 8.306 nghìn đồng/chỉ.

So với tháng 12/2023 tăng 35,41%; so với cùng kỳ năm trước tăng 46,0% và bình quân cùng kỳ 10 tháng năm 2024 tăng 31,17%.

2. Chỉ số giá đô la Mỹ

Trong tháng, giá đồng đô la Mỹ tăng nhẹ (+0,32%) so với tháng trước, xu hướng biến động cùng chiều với giá đồng đô la Mỹ trong nước và trên thế giới. Bình quân trong tháng, đồng đô-la được bán ra ở mức 2.498.383đ/100 USD.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2024 tăng 1,66% so với cùng kỳ và tăng 2,28% so với tháng 12 năm trước và bình quân cùng kỳ 10 tháng năm 2024 tăng 5,02%.

Nơi nhận :

- Vụ TKG (TCTK);
- Sở Tài Chính; Sở Công Thương (để phối hợp);
- Phòng TKTH;
- Lưu KT,VT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Văn Phát